

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 15/2024/HS-ST
Ngày 20 - 11 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢN BẠ, TỈNH HÀ GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

+Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Danh Nhân

+ Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lục Thị Cương.

Ông: La Thế Thanh

+ Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Đức Thiên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2024/TLST-HS, ngày 01 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Ma Thị X; tên gọi khác: không; giới tính: Nữ; sinh ngày 23/10/1992 tại xã M, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: Tổ 4, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Con ông Ma Văn L; Sinh năm: 1963 và bà Ma Thị B (đã chết); Có chồng: Viên Thế Q; Sinh năm: 1989; Có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm: 2022; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

- Bị hại: Chị Lý Thị D; Sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 21/8/2024 chị Lý Thị D thực hiện công việc giao hàng (Shipper) cho Chi nhánh Công ty giao hàng J&T huyện Q tại địa bàn xã Q, huyện Q, quá trình giao hàng chị D đã nhận tiền mặt khoảng 7.000.000 đồng để trong túi vải đeo chéo màu đen. Đến 07 giờ 30 phút ngày 22/8/2024, chị D để số tiền trên trong túi vải đeo chéo màu đen đến Chi nhánh làm việc, sau khi điểm danh, chấm công xong đến khoảng 08 giờ 00 phút, xe giao hàng của Công ty J&T đến giao hàng nên mọi người cùng nhau giúp bốc đồ xuống xe vào kho. Do phải bốc và kiểm nhiều loại hàng hóa khác nhau nên chị D có để túi vải đeo chéo màu đen ở bàn làm việc của bị cáo Ma Thị X

là quản lý của Chi nhánh J&T rồi vào trong kho để kiểm hàng. Lúc này bị cáo biết trong túi vải đeo chéo của D thường có tiền nên đã nảy sinh ý định trộm cắp. Do camera hướng thẳng vào bàn làm việc của mình nên bị cáo đã dùng tay trái rút dây nguồn camera đang cắm ổ điện dưới gầm bàn làm việc. Sau đó đứng dậy dùng tay phải mở ngăn đang khóa séc túi của chị D thấy có một cọc tiền mệnh giá loại 500.000 đồng được buộc bằng dây nịt màu vàng nên đã cầm cọc tiền giấu xuống dưới ngăn bàn và cắm lại dây nguồn camera xong bị cáo khóa séc túi lại rồi để vào vị trí ban đầu. Đến khoảng 08 giờ 20 phút cùng ngày sau khi điểm đếm xong hàng, chị D có ra bàn để lấy túi và kiểm tra thì phát hiện trong túi chỉ còn một tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và một số tiền lẻ, xác định đã bị mất tổng cộng là 6.500.000 đồng gồm 13 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng. Chị D có hỏi tất cả những người trong Chi nhánh, nhưng không ai thừa nhận lấy. Đến khoảng 11 giờ mọi người về nhà nghỉ hết bị cáo đã cầm cọc tiền trộm cắp được cho vào túi quần đem về nhà đem ra đếm được 13 tờ mệnh giá 500.000 đồng, tổng cộng là 6.500.000 đồng sau đó đem toàn bộ số tiền trộm cắp được để vào cốp xe máy. Ngày 27/8/2024 chị Lý Thị D có đơn trình báo Công an thị trấn T huyện Q về việc bị mất tiền tại bàn làm việc của Ma Thị X tại Chi nhánh J&T.

Trong quá trình điều tra bị cáo Ma Thị X đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đã nộp số tiền 6.500.000 đồng cho cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả

Về vật chứng: Quá trình điều tra thu giữ: được 13 tờ mệnh giá 500.000 tiền VNĐ, kết quả giám định đều là tiền thật, tổng cộng là 6.500.000 đồng và 01 chiếc túi vải đeo chéo, màu đen, đã qua sử dụng. Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử xét thấy số tiền thu giữ là tiền do bị hại thu của khách hàng chưa nộp cho công ty và túi vải là tài sản hợp pháp nên đã trả cho bị hại.

Trước khi mở phiên tòa bị hại thừa nhận có yêu cầu bị cáo bồi thường thu nhập bị giảm sút, chi phí đi lại trong quá trình giải quyết, bị cáo đã nhất trí bồi thường 2.000.000 đồng, bị hại đã nhận đủ, tại phiên tòa bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Cáo trạng số 16/CT-VKSQB ngày 31/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q đã truy tố bị cáo Ma Thị X về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Ma Thị X phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 50, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Giao bị cáo về chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Tại giai đoạn xét xử bị hại đã nhận được toàn bộ tài sản, bị cáo và bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong 2.000.000 đồng nên không xem xét.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, đang nuôi con nhỏ nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Phần tranh luận bị cáo, bị hại, nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và không có tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Khi được nói lời sau cùng bị cáo đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bị hại không có lời khai bổ sung. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định: Vào sáng 22/8/2024 bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp 6.500.000 đồng của bị hại, sau khi bị điều tra đã tự nguyện nộp lại để khắc phục hậu quả. Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Vụ án mang tính chất ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bản thân bị cáo có hiểu biết đủ khả năng nhận thức về hành vi của mình, biết việc chiếm đoạt tài sản thuộc sở hữu của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do xuất phát từ lòng tham nên đã lén lút trộm cắp tài sản của người khác, bị cáo phạm tội do lỗi cố ý. Do đó phải áp dụng một mức án nghiêm khắc, phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi bị cáo đã gây ra mới đảm bảo mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã bồi thường khắc phục hậu quả, bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo theo đề nghị của đại diện viện kiểm sát cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo để trở thành công dân tốt. Về đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo là có cơ sở để chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Nghề nghiệp bị cáo là lao động tự do, đang nuôi con nhỏ nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận được tài sản, đã bồi thường xong nên không xem xét.

[8] Về án phí Hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65, Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Ma Thị X 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”, thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại Điều 92 Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 45, điểm d khoản Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự, hủy bỏ quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án bị cáo Ma Thị X phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư Pháp tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Q;
- Công an huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- UBND thị trấn T;
- Lưu: HS, THA phạt tù.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Cao Danh Nhân